

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2021 - 2022

HỘI ĐỒNG COI THI: THPT NHƯ XUÂN

MÃ HỘI ĐỒNG: 26

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM DỰ THI

NHƯ XUÂN, THÁNG 06 NĂM 2021

TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HKK	HLL	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Điểm	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh			
																		Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ		
1	261001	An	An	An	Bùi Văn An	23/06/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	K	5.6	6.5	5.7	6.7	0.5		55	Năm mới	45	Bốn mới	50	Năm trước	DTTS		
2	261002	Đức Anh	Đức Anh	Đức Anh	Lê Đức Anh	17/01/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	7.0	6.7	6.8	7.4			62.5	Sáu hai lần	55	Năm mới	78	Bảy tám			
3	261003	Lan Anh	Lan Anh	Lan Anh	Nguyễn Thị Lan Anh	13/09/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	6.8	7.5	5.9	7.4			35	Ba mới	70	Bảy tám	64	Sáu tư			
4	261004	Lan Anh	Lan Anh	Lan Anh	Vi Thị Lan Anh	05/11/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.3	6.9	7.4	6.9	5.0		32.5	Ba hai lần	55	Năm mới	38	Ba tám	DTTS		
5	261005	Lan Anh	Lan Anh	Lan Anh	Trương Lan Anh	02/09/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	7.0	6.8	8.3	7.5	5.0		60	Sáu trước	55	Năm mới	90	Chín trước	DTTS		
6	261006	Anh	Anh	Anh	Lê Minh Anh	01/02/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8.0	7.7	9.4	8.3	5.0		62.5	Sáu hai lần	77.5	Bảy bảy lần	96	Chín sáu	DTTS		
7	261007	Ngọc Anh	Ngọc Anh	Anh	Đại Ngọc Anh	10/12/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	TB	4.2	6.0	5.2	6.3			12.5	Một hai lần	70	Bảy tám	46	Bốn sáu			
8	261008	Ngọc Anh	Ngọc Anh	Ngọc Anh	Phạm Ngọc Anh	22/07/2006	Nữ	THCS Bình Lương	T	K	7.5	7.7	7.1	7.4			67.5	Sáu bảy lần	75	Bảy mới	66	Sáu sáu			
9	261009	Ngọc Anh	Ngọc Anh	Ngọc Anh	Lê Thị Ngọc Anh	19/04/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	K	K	6.5	7.6	5.9	7.0			52.5	Năm hai lần	75	Bảy mới	58	Năm sáu			
10	261010	Anh	Anh	Anh	Vi Ngọc Anh	10/02/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8.1	8.0	8.1	8.4	5.0		62.5	Sáu hai lần	80	Tám trước	72	Bảy hai	DTTS		
11	261011	Anh	Anh	Anh	Trương Thị Nhật Anh	29/08/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.5	6.9	7.1	6.6			35	Ba mới	60	Sáu trước	58	Năm tám			
12	261012	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Phương Anh	03/12/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8.2	7.9	8.9	8.3			67.5	Sáu bảy lần	80	Tám trước	94	Chín tư			
13	261013	Anh	Anh	Anh	Nguyễn Quỳnh Anh	03/12/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	G	8.7	8.3	9.3	8.6			77.5	Bảy bảy lần	82.5	Tám hai lần	95	Chín sáu			
14	261014	Anh	Anh	Anh	Lê Ngọc Thế Anh	08/07/2006	Nam	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.2	5.6	5.4	6.0	5.0		25	Hai mới	47.5	Hai bảy lần	80	Tám trước	DTTS		
15	261015	V. Anh	V. Anh	V. Anh	Quách Nguyễn Văn Anh	13/11/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	K	5.6	6.9	7.6	7.1	5.0		35	Ba mới	67.5	Sáu bảy lần	74	Bảy tư	DTTS		
16	261016	Anh	Anh	Anh	Tạ Thị Minh Anh	16/01/2006	Nữ	THCS Xuân Quỳ	T	K	6.6	7.0	6.5	7.0			42.5	Bốn hai lần	50	Năm trước	62	Sáu hai			
17	261017	Anh	Anh	Anh	Mai Ngọc Anh	08/03/2006	Nữ	THCS Hoà Quỳ	T	K	7.3	7.7	6.6	7.4			50	Năm trước	50	Năm trước	56	Năm sáu			
18	261018	Anh	Anh	Anh	Trần Ngọc Anh	11/08/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	TB	5.2	5.7	4.7	6.2	5.0		40	Bốn trước	45	Bốn mới	58	Năm tám	DTTS		
19	261019	Anh	Anh	Anh	Lê Thị Nguyệt Anh	08/07/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	6.4	6.3	7.1	6.5	5.0		22.5	Hai hai lần	55	Năm mới	62	Sáu hai	DTTS		
20	261020	Bách	Bách	Bách	Lê Minh Bách	03/03/2006	Nam	THCS DTNT Như Xuân	T	TB	6.3	5.4	7.1	6.1	5.0		32.5	Ba hai lần	40	Bốn trước	72	Bảy hai	DTTS		
21	261021	Bằng	Bằng	Bằng	Lê Thị Kiều Bằng	19/09/2006	Nữ	TH&THCS Cát Văn	T	K	5.6	6.7	6.5	6.7	0.5		37.5	Ba bảy lần	70	Bảy tám	50	Năm trước	DTTS		
22	261022	Bình	Bình	Bình	Nguyễn Thị Bình	17/07/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lễ	T	TB	5.7	6.2	5.6	6.1			37.5	Ba bảy lần	50	Năm trước	58	Năm tám			
23	261023	Bình	Bình	Bình	Phạm Trọng Bình	31/03/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.6	5.6	5.5	7.0	5.0		40	Bốn trước	55	Năm mới	66	Sáu sáu	DTTS		
24	261024	Bình	Bình	Bình	Nguyễn Văn Bình	26/07/2006	Nam	THCS Xuân Quỳ	T	TB	5.3	5.2	5.2	5.6			25	Hai mới	40	Bốn trước	58	Năm tám			

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG
Thanh Hóa, ngày 2 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
[Chữ ký]

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 02 TS của nhà trường dự thi thuộc về các SBD: 261015, 261024
Có 10 TS của nhà trường dự thi thuộc về các SBD: 261001, 261002, 261003, 261004, 261005, 261006, 261007, 261008, 261009, 261010, 261011, 261012, 261013, 261014, 261016, 261017, 261018, 261019, 261020, 261021, 261022, 261023, 261024
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: *[Chữ ký]*
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: *[Chữ ký]*

Chủ tịch Hội đồng coi thi
Thanh Hóa, ngày 2 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

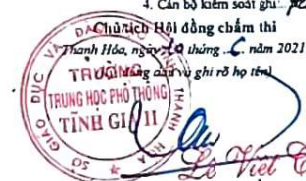
[Chữ ký]
[Chữ ký]

Môn thi	TO	VA	TA
Số vắng	0	0	0
Số 1/20C	0	0	0

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phách lên điểm:
Có 0 TS của nhà trường dự thi thuộc về các SBD

- Cán bộ đọc điểm: *[Chữ ký]*
- Cán bộ kiểm soát đọc: *[Chữ ký]*
- Cán bộ ghi điểm: *[Chữ ký]*
- Cán bộ kiểm soát ghi: *[Chữ ký]*



TT	SBD	Chữ ký dự thi			Họ tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Học sinh trường	Kết quả học tập lớp 9										Kết quả điểm bài thi						Ghi chú
		Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh					HK	HL	TB TO	TB VA	TB TA	TB M	UT	KK	Toán		Ngữ văn		Tiếng Anh				
																	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ	Số	Bảng chữ			
1	261025	Bình	Bình	Bình	Quách Văn Bình	30/11/2006	Nam	TH&THCS Yên Lê	T	TB	5.4	5.2	4.5	5.5	5.0		25	Hai mươi	55	Năm mươi	28	Hai tám	DTTS		
2	261026	Chi	Chi	Chi	Lê Thị Linh Chi	25/08/2006	Nữ	THCS Bình Lương	T	K	6.9	7.5	7.2	7.4			325	Ba hai trăm	675	Sáu bảy trăm	24	Hai tư			
3	261027	Chi	Chi	Chi	Bùi Thị Thảo Chi	18/04/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8.4	8.7	7.0	8.3	0.5		65	Sáu mươi	775	Bảy bảy trăm	46	Bốn sáu	DTTS		
4	261028	Chinh	Chinh	Chinh	Lê Hữu Đức Chinh	18/12/2006	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5.7	5.8	6.0	6.4	0.5		15	Một mười	25	Hai mươi	32	Ba hai	DTTS		
5	261029	Chinh	Chinh	Chinh	Lê Thị Chinh	19/08/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	6.1	6.5	5.7	6.9	0.5		30	Ba mươi	55	Năm mươi	24	Hai tư	DTTS		
6	261030	Cường	Cường	Cường	Lê Ngọc Cường	12/09/2006	Nam	THCS Cát Tân	T	TB	6.1	6.4	6.6	6.4	5.0		125	Một hai trăm	50	Năm mươi	30	Ba mươi	DTTS		
7	261031	Cường	Cường	Cường	Vi Trọng Cường	20/01/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	5.5	5.8	6.3	7.1	5.0		05	Nhị điểm	425	Bốn hai trăm	74	Bảy tư	DTTS		
8	261032	Diễm	Diễm	Diễm	Lê Thị Diễm	01/12/2006	Nữ	TH&THCS Yên Lê	T	TB	5.9	5.8	5.4	6.2	5.0		25	Hai mươi	25	Hai mươi	26	Hai sáu	DTTS		
9	261033	Diệp	Diệp	Diệp	Bùi Thị Khánh Diệp	14/07/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	TB	6.0	6.4	5.5	6.8	0.5		375	Ba bảy trăm	65	Sáu mươi	18	Một tám	DTTS		
10	261034	Diệp	Diệp	Diệp	Nguyễn Thị Diệp	22/07/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	K	7.1	7.0	6.0	7.4			35	Ba mươi	60	Sáu mươi	22	Hai hai			
11	261035	Dinh	Dinh	Dinh	Nguyễn Thị Dinh	02/02/2006	Nữ	THCS Thượng Ninh	T	G	8.5	8.7	6.7	8.5			50	Năm mươi	80	Tám mươi	40	Bốn mươi			
12	261036	Doanh	Doanh	Doanh	Quách Khả Doanh	18/02/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	K	K	6.1	7.1	5.7	7.2	0.5		325	Ba hai trăm	55	Năm mươi	30	Ba mươi	DTTS		
13	261037	Du	Du	Du	Chu Đình Du	01/05/2006	Nam	TH&THCS Tân Bình	T	TB	5.4	5.9	5.3	5.8			20	Hai mươi	50	Năm mươi	30	Ba mươi			
14	261038	Đuẩn	Đuẩn	Đuẩn	Lê Quang Đuẩn	26/04/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	K	7.1	7.1	5.7	7.1			325	Ba hai trăm	40	Bốn mươi	34	Ba tư			
15	261039	Đuẩn	Đuẩn	Đuẩn	Lê Quang Đuẩn	16/12/2006	Nam	TH&THCS Cát Văn	T	TB	5.4	5.2	5.4	6.0	0.5		15	Một mười	30	Ba mươi	48	Bốn tám	DTTS		
16	261040	Dũng	Dũng	Dũng	Lê Trần Dũng	25/01/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	G	8.4	7.7	9.3	8.5			675	Sáu bảy trăm	80	Tám mươi	80	Tám mươi			
17	261041	Dũng	Dũng	Dũng	Lê Văn Dũng	14/11/2006	Nam	THCS Xuân Quý	T	TB	5.5	5.4	5.4	5.9	5.0		35	Ba mươi	35	Ba mươi	62	Sáu hai	DTTS		
18	261042	Dương	Dương	Dương	Lê Đức Dương	31/03/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	K	6.8	7.1	6.4	7.4	5.0		425	Bốn hai trăm	725	Bảy hai trăm	76	Bảy sáu	DTTS		
19	261043	Dương	Dương	Dương	Phạm Lê Thùy Dương	19/11/2006	Nữ	THCS Yên Cát	T	TB	5.6	6.2	5.1	6.7	5.0		30	Ba mươi	525	Năm hai trăm	54	Năm tư	DTTS		
20	261044	Dương	Dương	Dương	Lê Vũ Tuấn Dương	30/04/2006	Nam	THCS Yên Cát	T	TB	4.1	6.4	5.6	6.7	5.0		225	Hai hai trăm	60	Sáu mươi	66	Sáu sáu	DTTS		
21	261045	Dương	Dương	Dương	Nguyễn Văn Tùng Dương	04/05/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	T	TB	6.0	6.2	5.7	6.6			25	Hai mươi	55	Năm mươi	38	Ba tám			
22	261046	Dương	Dương	Dương	Lê Văn Dương	14/02/2006	Nam	THCS Hoà Quý	T	TB	6.2	6.0	6.2	6.6			30	Ba mươi	35	Ba mươi	61	Sáu hai			
23	261047	Dự	Dự	Dự	Trần Thị Dự	20/07/2006	Nữ	THCS Cát Tân	T	K	5.6	7.0	7.2	6.5			30	Ba mươi	475	Bốn bảy trăm	26	Hai sáu			
24	261048	Duy	Duy	Duy	Bùi Đức Duy	10/04/2006	Nam	THCS Thượng Ninh	K	TB	5.8	6.0	5.9	6.7	0.5		275	Hai bảy trăm	45	Bốn mươi	28	Hai tám	DTTS		

Danh sách có: 24 thí sinh.

HIỆU TRƯỞNG
Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG CỎI THI

Có 6/1 TS sửa chữa hồ sơ dự thi thuộc về các SBD: 261134, 261136
Có 08 TS sửa chữa điểm ưu tiên thuộc về các SBD: 625, 629, 636, 631, 032, 044, 642, 043
Có 0 TS sửa chữa điểm khuyến khích thuộc về các SBD:
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 1: Nguyễn Thị Lan,
Cán bộ kiểm tra hồ sơ 2: Lưu Văn Huyền

Chủ tịch Hội đồng coi thi
Thanh Hóa, ngày 6 tháng 6 năm 2021
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Năm thi	TO	VA	TA
Số vắng	2	2	2
Số VPQC	2	2	2

HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Tổ hội phách lên điểm:
Có 0 TS sửa chữa điểm thuộc về các SBD:

- Cán bộ đọc điểm
- Cán bộ kiểm soát đề
- Cán bộ ghi điểm
- Cán bộ kiểm soát ghi

